

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **107/2023/QĐST-HNGĐ**

B, ngày 30 tháng 8 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 144, Điều 147, 212, 213, 217, 218, 219 và khoản 2 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 8 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 219/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 8 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1971. Địa chỉ: số 57 đường H, tổ 14, thị trấn L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Địa chỉ liên hệ: số 38/29 đường M, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Chỗ ở hiện nay: thôn 7, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Người đại diện theo ủy quyền về phần tài sản của bà N: ông **Bùi Công T**, sinh năm 1995. Địa chỉ: 107 (CCA3) đường N, phường 7, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: ông **Nguyễn Ngọc B**, sinh năm 1966. Địa chỉ: số 57 đường H, tổ 14, thị trấn L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Ngọc B thống nhất thuận tình ly hôn.

Về con chung: vợ chồng có 05 con chung là Nguyễn Đình T, sinh năm 1989, Nguyễn Thị T1, sinh năm 1992, Nguyễn Đình T2, sinh năm 1994, Nguyễn Bính T3, sinh năm 1996 và Nguyễn Thị Thuỳ T4, sinh ngày 24/7/2004. Hiện nay các con chung đã đủ 18 tuổi, mạnh khỏe, không bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: đình chỉ yêu cầu khởi kiện về phần tài sản, vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án:

“Nguyên đơn có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án dân sự trên theo thủ tục chung, mặc dù việc khởi kiện vụ án sau không có gì khác vụ án trước về nguyên đơn, bị đơn và quan hệ pháp luật có tranh chấp”.

Về nợ chung: không có.

Về án phí: bà Nguyễn Thị N tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 150.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 28.550.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0009483 ngày 08/7/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng, bà Nguyễn Thị N được nhận lại số tiền 28.400.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm; đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự đối với phần đình chỉ yêu cầu khởi kiện về phần tài sản.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND thị trấn L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Trần Văn Biên